

Số: /KH-UBND

Hung Yên, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

Thực hiện Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội đến năm 2030; Quyết định số 472/QĐ-BTC ngày 16/3/2026 của Bộ Tài chính ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 403/NQ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội đến năm 2030 và Quyết định số 472/QĐ-BTC ngày 16/3/2026 của Bộ Tài chính; cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh; tạo chuyển biến rõ nét trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân về vai trò, ý nghĩa của chính sách bảo hiểm xã hội trong hệ thống an sinh xã hội.

b) Phát triển nhanh, bền vững số người tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện; mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo hướng toàn dân, góp phần thực hiện mục tiêu bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Yêu cầu

a) Việc triển khai Kế hoạch phải bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành; phân công rõ trách nhiệm, rõ tiến độ, rõ kết quả thực hiện; gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện chỉ tiêu được giao.

b) Các nhiệm vụ, giải pháp phải cụ thể, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của từng địa phương; trong đó lấy cấp cơ sở làm trọng tâm tổ chức thực hiện, bảo đảm chỉ tiêu được giao được triển khai đến từng thôn, tổ dân phố và từng đối tượng cụ thể.

c) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc; biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân thực hiện tốt và xử lý nghiêm các trường hợp không hoàn thành nhiệm vụ.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phát triển diện bao phủ bảo hiểm xã hội theo hướng bền vững, mở rộng nhanh đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt khu vực lao động phi chính thức; bảo đảm hoàn thành và vượt các chỉ tiêu được Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh giao đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Chỉ tiêu đến năm 2030:

- Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội đạt 60% (Trong đó tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện đạt 5%);

- Số người tham gia 981.535 người (Trong đó tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện là 106.055 người);

Chi tiết đối với từng xã, phường (Có Phụ lục chi tiết kèm theo).

b) Chỉ tiêu hằng năm:

- Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp Bảo hiểm xã hội tỉnh, các đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao chỉ tiêu cụ thể hằng năm đến từng xã, phường. Trên cơ sở chỉ tiêu được giao, Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm cụ thể hóa chỉ tiêu đến từng thôn, tổ dân phố và phân công cán bộ phụ trách, quản lý, theo dõi đến từng đối tượng;

- Đảm bảo tuân thủ tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định; từng bước hình thành thói quen tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trong nhân dân, đặc biệt là lao động khu vực phi chính thức, hướng tới mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền các cấp trong việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội; đưa chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội vào nghị quyết, chương trình công tác và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm của địa phương, đơn vị.

b) Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội hằng năm đến từng xã, phường; phân công cụ thể trách nhiệm cho từng cơ quan, đơn vị và cá nhân phụ trách địa bàn; gắn trách nhiệm người đứng đầu với kết quả thực hiện.

c) Kiện toàn Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế các cấp; duy trì chế độ họp định kỳ để đánh giá tiến độ, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai.

d) Thiết lập cơ chế theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện theo tháng, quý, năm; thực hiện công khai kết quả thực hiện chỉ tiêu; đưa kết quả thực hiện vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của tập thể, cá nhân.

2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền chính sách bảo hiểm xã hội theo hướng thường xuyên, liên tục, đa dạng về nội dung và hình thức; tập trung làm rõ quyền lợi, tính nhân văn và lợi ích lâu dài của việc tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt là bảo hiểm xã hội tự nguyện.

b) Đổi mới phương thức tuyên truyền, kết hợp giữa tuyên truyền trực tiếp tại cơ sở với tuyên truyền trên môi trường số, mạng xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để mở rộng phạm vi tiếp cận.

c) Tổ chức các hội nghị tuyên truyền, tư vấn tại thôn, tổ dân phố; lồng ghép nội dung về bảo hiểm xã hội trong các cuộc họp, sinh hoạt của các tổ chức chính trị - xã hội; phát huy vai trò của đội ngũ tuyên truyền viên, cộng tác viên tại cơ sở.

d) Xây dựng, nhân rộng các mô hình tuyên truyền, vận động hiệu quả như “Tổ vận động bảo hiểm xã hội”, “Ngày hội bảo hiểm xã hội toàn dân”, “Tháng vận động bảo hiểm xã hội toàn dân - Tháng 5” góp phần nâng cao nhận thức và tạo sự đồng thuận trong nhân dân.

đ) Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các nội dung tuyên truyền tại Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 23/3/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Kế hoạch tuyên truyền bảo hiểm xã hội giai đoạn 2026-2030.

3. Rà soát, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội

a) Tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu về dân cư, lao động trên địa bàn; khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các cơ sở dữ liệu liên quan để xác định đối tượng tiềm năng tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt là khu vực lao động phi chính thức.

b) Phân loại nhóm đối tượng theo khả năng tham gia để xây dựng giải pháp vận động phù hợp; lập danh sách quản lý đến từng người trong độ tuổi lao động chưa tham gia bảo hiểm xã hội.

c) Giao chỉ tiêu phát triển đối tượng cụ thể đến từng địa bàn, từng cán bộ phụ trách; tăng cường vận động trực tiếp đến từng hộ gia đình, cá nhân; tổ chức tư vấn, hướng dẫn về mức đóng, phương thức đóng và quyền lợi khi tham gia.

d) Phát triển, củng cố mạng lưới đại lý thu, cộng tác viên; nâng cao năng lực, kỹ năng tư vấn, vận động nhằm mở rộng diện bao phủ bảo hiểm xã hội.

4. Tăng cường quản lý, thanh tra, kiểm tra

a) Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội tại các doanh nghiệp; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm, đặc biệt là tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội.

b) Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan liên quan trong quản lý doanh nghiệp, lao động; tăng cường chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác kiểm tra, giám sát.

c) Thực hiện công khai danh sách các đơn vị vi phạm pháp luật về bảo hiểm xã hội theo quy định; áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp nhằm nâng cao tính tuân thủ pháp luật.

d) Gắn công tác kiểm tra, giám sát với đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội của từng địa phương, đơn vị.

5. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ và chuyển đổi số

a) Nghiên cứu, đề xuất hỗ trợ thêm kinh phí đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo lộ trình.

b) Xây dựng, đào tạo đội ngũ cán bộ có kiến thức chuyên sâu về chuyên môn nghiệp vụ, phong cách phục vụ tận tình chu đáo, đáp ứng yêu cầu của người sử dụng lao động và người lao động khi tham gia bảo hiểm xã hội.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu dùng chung để phục vụ công tác quản lý, điều hành.

d) Tăng cường cung cấp dịch vụ công trực tuyến, giao dịch điện tử trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp trong quá trình tham gia và thụ hưởng chính sách.

đ) Xây dựng hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch trên nền tảng số; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan liên quan, phục vụ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo phân cấp; đồng thời lồng ghép từ các chương trình, đề án có liên quan và các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nội vụ

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân xã, phường tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

b) Hằng năm, chủ trì xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; phối hợp với Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh đưa chỉ tiêu này vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Chủ trì tổ chức rà soát, cập nhật dữ liệu lao động; phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội và các cơ quan liên quan xác định đối tượng tiềm năng tham gia bảo hiểm xã hội, đặc biệt khu vực phi chính thức.

d) Chủ trì tổ chức kiểm tra việc chấp hành pháp luật về lao động, bảo hiểm xã hội đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý theo quy định; phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong hoạt động thanh tra theo quy định của pháp luật.

đ) Nghiên cứu, đề xuất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh đưa kết quả thực hiện chỉ tiêu bảo hiểm xã hội vào tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã, phường và người đứng đầu theo quy định.

e) Định kỳ hằng năm (trước ngày 30/12) và đột xuất khi có yêu cầu, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch theo quy định.

2. Sở Tài chính

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí đầy đủ, kịp thời ngân sách để đóng bảo hiểm xã hội, hỗ trợ tiền đóng cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định.

b) Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, kết hợp huy động các nguồn lực xã hội, tham mưu chính sách hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội cho người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn tỉnh.

c) Cung cấp thông tin doanh nghiệp đăng ký hoạt động; phối hợp theo dõi tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

d) Hằng năm, phối hợp với Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.

3. Bảo hiểm xã hội tỉnh

a) Chủ động tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh các giải pháp phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

b) Chủ trì hướng dẫn nghiệp vụ, tổ chức tập huấn cho cán bộ xã, phường và lực lượng tham gia vận động phát triển bảo hiểm xã hội.

c) Tăng cường công tác quản lý thu, giảm nợ đọng; phối hợp kiểm tra, xử lý các đơn vị vi phạm pháp luật bảo hiểm xã hội.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh

Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp với Bảo hiểm xã hội tỉnh và địa phương trong công tác tuyên truyền, vận động, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về bảo hiểm xã hội; tăng cường chia sẻ, kết nối thông tin, dữ liệu liên quan đến doanh nghiệp, lao động, dân cư phục vụ phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội.

5. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Tổ chức triển khai thực hiện chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội được giao; đưa chỉ tiêu vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm; chủ động xây dựng giải pháp phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

b) Chỉ đạo tăng cường rà soát, phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội; phối hợp với các cơ quan liên quan trong việc quản lý, hạn chế tình trạng chậm đóng, trốn đóng bảo hiểm xã hội.

c) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật; kiện toàn và nâng cao hiệu quả hoạt động Ban Chỉ đạo thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trên địa bàn.

d) Định kỳ đánh giá tình hình thực hiện, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định. Ủy ban nhân dân xã, phường có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) trước ngày 15/12 hằng năm để tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn; đồng thời làm cơ sở xây dựng báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 403/NQ-CP.

6. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội

Phối hợp với chính quyền các cấp đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và nhân dân tham gia bảo hiểm xã hội; tham gia giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 403/NQ-CP ngày 10/12/2025 của Chính phủ về việc giao chỉ tiêu phát triển bảo hiểm xã hội đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, trong quá trình thực hiện có khó khăn, vướng mắc đề nghị kịp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Nhận Kế hoạch này, yêu cầu các đơn vị triển khai, thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Bộ Tài chính;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân xã, phường;
- Chuyên viên KGVX: Thanh;
- Lưu: VT, KGVX^{KH}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phạm Văn Nghiêm

PHỤ LỤC**Chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030**

(Kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /4/2026
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

STT	Tên xã/phường	Chỉ tiêu phát triển đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội đến năm 2030 (người)	
		Chỉ tiêu chung	Chỉ tiêu bảo hiểm xã hội tự nguyện tối thiểu
1	Phường Hồng Châu	1.899	504
2	Phường Phố Hiến	34.845	2.505
3	Phường Sơn Nam	9.681	494
4	Xã Tân Hưng	2.428	485
5	Xã Châu Ninh	2.020	580
6	Xã Khoái Châu	9.658	1.035
7	Xã Mỹ Sở	2.127	516
8	Xã Nghĩa Trụ	8.329	515
9	Xã Phụng Công	9.640	505
10	Xã Triệu Việt Vương	8.108	1.081
11	Xã Văn Giang	11.542	1.576
12	Xã Yên Mỹ	31.827	836
13	Xã Hoàn Long	4.852	507
14	Xã Nguyễn Văn Linh	38.830	505
15	Xã Việt Tiến	10.776	496
16	Xã Việt Yên	9.963	502
17	Phường Đường Hào	46.794	700
18	Phường Mỹ Hào	16.953	505
19	Phường Thượng Hồng	13.099	503
20	Xã Đại Đồng	3.642	464
21	Xã Lạc Đạo	23.028	510
22	Xã Như Quỳnh	65.023	1.625
23	Xã Ân Thi	9.397	650
24	Xã Đoàn Đào	2.964	488
25	Xã Hồng Quang	4.090	830
26	Xã Nguyễn Trãi	4.282	975
27	Xã Phạm Ngũ Lão	4.781	515

28	Xã Tiên Hoa	2.682	500
29	Xã Xuân Trúc	4.913	625
30	Xã Chí Minh	1.668	502
31	Xã Đức Hợp	4.342	510
32	Xã Hiệp Cường	4.068	760
33	Xã Hoàng Hoa Thám	17.284	880
34	Xã Lương Bằng	18.393	929
35	Xã Nghĩa Dân	2.461	581
36	Xã Tiên Lữ	5.682	512
37	Xã Diên Hà	6.473	825
38	Xã Hưng Hà	14.284	2.649
39	Xã Long Hưng	6.465	1.040
40	Xã Ngự Thiên	2.408	756
41	Xã Quang Hưng	7.954	1.045
42	Xã Tiên La	7.100	955
43	Xã Tiên Tiến	2.325	496
44	Xã Tống Trân	6.798	525
45	Xã Thân Khê	2.577	660
46	Xã A Sào	6.659	960
47	Xã Đồng Bằng	3.078	923
48	Xã Minh Thọ	4.137	1.394
49	Xã Ngọc Lâm	2.193	1.038
50	Xã Nguyễn Du	3.306	752
51	Xã Phụ Dực	12.018	1.974
52	Xã Quỳnh An	3.838	1.058
53	Xã Quỳnh Phụ	24.873	2.839
54	Xã Tân Tiến	4.875	1.433
55	Xã Hồng Minh	2.612	833
56	Xã Bắc Đông Hưng	5.299	519
57	Xã Bắc Đông Quan	2.395	751
58	Xã Bắc Tiên Hưng	12.920	591
59	Xã Đông Hưng	21.172	4.952
60	Xã Đông Quan	3.155	545
61	Xã Đông Tiên Hưng	2.503	565
62	Xã Lê Quý Đôn	4.524	505

63	Xã Nam Đông Hưng	4.773	659
64	Xã Nam Tiên Hưng	1.836	465
65	Xã Tiên Hưng	3.594	627
66	Xã Nam Thái Ninh	2.880	675
67	Xã Tây Thái Ninh	4.624	650
68	Xã Bắc Thái Ninh	4.038	571
69	Xã Bắc Thụy Anh	2.274	556
70	Xã Đông Thái Ninh	4.907	745
71	Xã Đông Thụy Anh	3.107	985
72	Xã Nam Thụy Anh	2.493	569
73	Xã Tây Thụy Anh	2.352	661
74	Xã Thái Ninh	2.629	646
75	Xã Thái Thụy	24.135	4.133
76	Xã Thụy Anh	12.568	541
77	Xã Tiền Hải	15.223	1.500
78	Xã Ái Quốc	11.164	744
79	Xã Bình Định	3.335	1.353
80	Xã Đông Châu	9.949	1.465
81	Xã Đông Tiền Hải	5.754	2.065
82	Xã Hưng Phú	3.137	870
83	Xã Nam Cường	4.555	1.445
84	Xã Nam Tiền Hải	3.370	911
85	Xã Tây Tiền Hải	3.572	965
86	Xã Vũ Tiên	3.510	740
87	Xã Bình Nguyên	3.508	519
88	Xã Bình Thanh	3.196	970
89	Xã Hồng Vũ	2.877	913
90	Xã Kiến Xương	10.445	4.490
91	Xã Lê Lợi	2.067	653
92	Xã Quang Lịch	1.781	950
93	Xã Thư Vũ	4.257	1.074
94	Xã Trà Giang	1.496	656
95	Xã Vũ Quý	7.492	689
96	Phường Thái Bình	31.106	1.802
97	Phường Trà Lý	7.708	1.282

98	Phường Trần Hưng Đạo	61.459	3.570
99	Phường Trần Lãm	18.245	1.608
100	phường Vũ Phúc	25.897	1.282
101	Xã Tân Thuận	7.396	793
102	Xã Thụ Trì	7.850	1.045
103	Xã Vạn Xuân	3.898	1.169
104	Xã Vũ Thụ	13.064	1.260
Tổng:		981.535	106.055

Ghi chú: Tính theo số người tham gia bảo hiểm xã hội trên địa bàn xã, phường do cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh/cơ sở trực tiếp quản lý thu theo phân cấp.